

CÂU ĐÓ

I - ĐỊNH NGHĨA CÂU ĐÓ

Câu đố là một thể loại văn học dân gian phản ánh thế giới khách quan bằng phương pháp riêng, không giống với phương pháp phản ánh của bất kỳ thể loại văn học dân gian nào khác. Đó là một loại phương tiện đặc biệt để nhận thức và kiểm tra nhận thức về các sự vật, hình tượng trong thế giới khách quan, đồng thời để mua vui giải trí của nhân dân.

Miêu tả, tường thuật đặc điểm của từng loại sự vật, hiện tượng theo phương pháp ẩn dụ riêng (ẩn dụ không có giới hạn) làm cho người nghe bị đánh lừa và đoán lệch để sau đó nhận được sự giải đáp bất ngờ nhưng chí lý và thú vị.

Ẩn dụ không có giới hạn: Ẩn dụ ca dao, tục ngữ và trong văn học nói chung bao giờ cũng nhằm nói về con người và xã hội loài người một cách kín đáo nghệ thuật. Còn trong câu đố cái được giấu kín (ẩn đi) không nhất thiết là người mà có thể là bất kỳ sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan.

Câu đố phản ánh đặc điểm của sự vật trong thế giới khách quan bằng phương pháp giấu tên, phương pháp ẩn dụ riêng của nó.

II- NỘI DUNG Ý NGHĨA CỦA CÂU ĐÓ

Dựa vào đề tài có thể chia câu đố Việt thành các loại hình thức sau đây:

- 1- Câu đố về các hiện tượng tự nhiên, vũ trụ
- 2- Câu đố về các loại động vật, thực vật.
- 3- Câu đố về người.
- 4- Câu đố về các sự vật văn hoá vật chất và tinh thần.

Câu đố không miêu tả phản ánh từng sự vật riêng biệt, xác định cũng không nói tổng quát về các chủng loại lớn (cây cối, chim muông...) mà chọn những sự vật mang đặc điểm chung của chủng loại. Cụ thể : rau sam, con chó, cái chổi... Do đó sự vật được phản ánh trong câu đố tuy cụ thể nhưng không xác định. Đó là cái cụ thể mang tính phổ biến (chứ không phải tính cá biệt).

1. Câu đố chứa đựng nội dung về khoa học thường thức

- Câu đố giúp trẻ em nhận biết về các hiện tượng tự nhiên và vũ trụ : Bầu trời, sao, mặt trời, trăng, sấm, chớp...

Ví dụ:

Không sơn mà đỏ, không gõ mà kêu, không kêu mà rụng.

Lên một lên hai ...

Một mẹ mà có vạn con...

- Câu đố giúp trẻ nhân biết về đồng vật và thực vật:

Loại này vô cùng phong phú: vật nuôi trong nhà: gà, lợn, vịt... ngoài đồng : cua, tôm, ốc... Các loại cây lương thực: lúa, ngô, khoai... Các loại rau, cây trồng:

Mình đen chân trắng, đứng nắng giữa đồng (Cò)

Mình đen mặc áo da sồi, nghe trời chuyển động thì ngồi kêu oan (Cóc).

Vừa bằng thẳng bé lên ba

Thất lưng con cón chạy ra ngoài đồng (Mạ)

- Đặc biệt, giúp trẻ gần gũi với những sự vật do con người làm ra: công cụ, đồ dùng....

Tay cầm bán nguyệt xênh xang...(liềm)

Vừa bằng lá tre, xun xoe đánh vật (Kéo)

- Giúp trẻ làm quen với một số hành động của con người trong cuộc sống hàng ngày:

Năm ông cần hai cây sào

Lùa đàn trâu bạc ào ào vào khe (ăn cơm)

Ruộng vuông bốn góc

Trúc mọc thẳng hàng

Ve ngân thánh thót

Gà què nhảy nhót một chân (viết tập)

Thế giới tự nhiên quả là phong phú, đa dạng, đối với trẻ em cần được khám phá và lý giải - Câu đố đã giúp trẻ em nhận thức được về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên. Tư duy của các em được phát triển nhờ sự liên tưởng giữa đặc điểm của sự vật, hiện tượng được miêu tả với đặc điểm của sự vật ẩn dấu đằng sau hình thức ngôn từ.

2. Nội dung và ý nghĩa xã hội của câu đố

Trong câu đố chắc chắn các tác giả dân gian không đặt ra vấn đề và phát biểu quan niệm của mình về những vấn đề xã hội và nhân sinh. Mặc dù không tự giác, nhưng khi sáng tác câu đố, các tác giả vẫn cứ để lộ ra những quan niệm của mình về xã hội, nhân tình thế thái. Bởi trong xã hội phong kiến, đấu tranh giai cấp ngày càng trở nên gay gắt, quyết liệt:

- Câu đố thể hiện thái độ khinh bỉ, xem thường, giễu cợt giai cấp thống trị

Bằng hạt đỗ ăn cỗ với vua (Ruồi)

Một lũ ăn mày, một lũ quan.. (Đền kéo quân).

- Câu đố phản ánh tình trạng xấu xa, đen tối của xã hội phong kiến

Con đóng khố, bố cỡi truồng (Tre măng)

Hai thằng có bệnh thì không ... (Đôi kính và mắt).

- Câu đố phản ánh thân phận khổ đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

Khi ở với mẹ da đỏ hồng hồng ... (Nồi đất)

Vốn xưa em trắng nhngà ... (Cái chiếu)

- Câu đố phản ánh thể thái nhân tình bạc bẽo, bất công

Ngả lưng cho thế gian... (Cái phản)

Đem chân che nắng cho người... (cái dại)

- Câu đố chan chứa tình người:

Nắng ba năm ta không bỏ bạn

Mưa một ngày bạn nỡ bỏ ta (Cái bóng)

Qua câu đố, ta thấy một ý vị hài hước kiêu dân gian, thấy trạng thái hồn nhiên của người nông dân, đó là chức năng mua vui, giải trí của câu đố. Muốn làm tròn chức năng phát triển tư duy cho trẻ, câu đố cần có sự tác động tổng hợp cả vào lý trí, lẫn tình cảm.

III- HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CỦA CÂU ĐỐ

Câu đố đã khai thác và sử dụng rất nhiều phương tiện và thủ pháp nghệ thuật của thơ ca để thể hiện nội dung mang tính khoa học của nó.

1. Câu đố giàu âm thanh, vần điệu

Tính cân đối, nhịp nhàng nhưng ngắn gọn được tạo ra nhờ cách miêu tả trực tiếp (gần như là tả chân) hình dáng, đặc điểm của sự vật.

Chân đen mình trắng, đứng nắng giữa đồng (Con cò)

Phần lớn câu đố được miêu tả theo lối gián tiếp (tả cái này để nói cái kia).

Hai hình tượng tồn tại song song, một hình tượng phô bày bên ngoài, một hình tượng ẩn náu bên trong. Hình tượng bên trong là vật đố, hình tượng bên ngoài - vật để đố

2. Dùng phương pháp ẩn dụ, hoán dụ

3. Nhiều thủ pháp nghệ thuật khác

Động vật hoá, thực vật hoá, tự nhiên hoá.

Phương pháp ẩn dụ không có giới hạn hay phương pháp chuyển hoá tự do của câu đố.

4. Dùng các phương pháp chơi chữ

Đối nghĩa, đồng âm, khác nghĩa, trái nghĩa, nói lái...

CÂU HỎI ÔN TẬP

1) Định nghĩa về thần thoại - truyền thuyết. Phân biệt sự khác nhau giữa hai loại truyện trên các mặt: Hoàn cảnh ra đời, chức năng, đề tài, nhân vật...

2) Lý giải và chứng minh ý kiến sau đây của Mác trên cơ sở những tư liệu về thần thoại Việt Nam: “Thần thoại nào cũng chinh phục, chi phối và nhào nặn những sức mạnh tự nhiên trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng”.

(Chú ý xác định khái niệm “sức mạnh tự nhiên” trong câu nói).

3) Phân tích nội dung ý nghĩa và nghệ thuật độc đáo của những truyện thần thoại sau đây: Thần trụ trời, Chú cuội cung trăng, Nữ thần mặt trời và mặt trăng, Cóc kiện trời, Lúa thần, Rét nàng Bân, Mười hai bà mụ, Rắn già rắn lột, Sơn Tinh - Thủy tinh ...

4) Tìm và phân tích những yếu tố thần thoại được bảo tồn, lưu giữ trong những hình thức văn hoá khác của dân tộc (phong tục, tín ngưỡng, hội hoạ, điêu khắc, tục ngữ, ca dao cổ...).

5) Lý giải phân tích mức độ và sự thể hiện của hai tính chất thần thoại và truyền thuyết trong các truyện: Sơn Tinh - Thủy Tinh, Lạc Long Quân - Âu Cơ, Thánh Gióng, An Dương Vương. Nên xếp các truyện trên vào thể loại nào? Vì sao ?

6) Dựa vào những truyền thuyết tiêu biểu về thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc và Bắc thuộc, lý giải và chứng minh ý kiến sau đây của Thủ tướng Phạm Văn Đồng: “Những truyền thuyết dị thường có một cái lõi là sự thực lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lý tưởng hoá gửi gắm vào đó tâm tình của mình cùng với thơ và mộng chấp đôi cánh của sức tưởng tượng và nghệ thuật dân gian làm nên những tác phẩm văn hoá mà đời đời con người ưa thích”. (Chú ý phân tích sự kết hợp chặt chẽ giữa hiện thực lịch sử và lý tưởng thẩm mỹ trong phương pháp sáng tác truyền thuyết. Tại sao Phạm Văn Đồng gọi truyền thuyết dân gian là những “tác phẩm văn hoá”?).

7) Phân tích các nhân vật truyền thuyết sau: Lạc Long Quân, Thánh Gióng, An Dương Vương, Mỵ Châu, Trọng Thủy, thần Kim Quy, Hùng Vương trong các truyền thuyết thời kỳ Văn Lang.

8) Từ truyện “Thánh Gióng” đến truyện “An Dương Vương” dòng truyền thống chống xâm lăng của người Việt đã phát triển như thế nào về các phương diện: Đề tài, chủ đề, cốt truyện, phương pháp xây dựng nhân vật?

9) Phân tích, so sánh ba cái chết của An Dương Vương, Mỵ Châu, Trọng Thủy?

VĂN HỌC TRẺ EM VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Trước cách mạng tháng Tám, văn học dân gian chưa có một nền văn học cho thiếu nhi ở nước ta. Bởi vì dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, quyền tự do làm người và tự do tư tưởng của mỗi người đều bị kìm hãm, quyền tự do sáng tác văn chương nói chung của những người cầm bút đã bị hạn chế, nên càng rất ít người nghĩ đến việc sáng tác cho thiếu nhi.

Thời đó, có một số sáng tác cho thiếu nhi của một số nhà văn như Tú Mỡ, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài...nhưng những sáng tác của các nhà văn ấy chưa đủ để làm nên một nền văn học cho thiếu nhi.

Như vậy, dưới thời thực dân, phong kiến, văn chương dân gian mang ý nghĩa chân chính của cuộc sống và mơ ước đến với tuổi thơ. Kho tàng văn chương dân gian, từ những lời hát ru, những câu ca dao, tục ngữ, những bài đồng dao, đến những truyện thần thoại, cổ tích...bao giờ cũng là chiếc nôi êm ả, nuôi dưỡng tâm hồn thế hệ trẻ. Thông qua văn chương dân gian, các em biết phân biệt cái thiện và cái ác, cái chính và cái tà, rồi từ đó cũng hình thành cho các em những thị hiếu thẩm mỹ quý báu. Vì vậy, có thể nói rằng, dưới chế độ cũ, văn chương dân gian là nguồn lành mạnh nhất, đáng trân trọng nhất đối với tâm hồn tuổi thơ.

2. Từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, văn học thiếu nhi Việt Nam hình thành và phát triển. Chúng ta có thể nhận thấy những chặng chính trên con đường phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam như sau:

a. Chặng thứ nhất (1945 - 1954): Văn học thiếu nhi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Văn học thiếu nhi chặng đường này chưa thể coi là định hình với những tác phẩm có giá trị, với những nhà văn có tên tuổi. Điều đáng chú ý là sự quan tâm của Đảng và Bác Hồ đối với việc xây dựng một nền văn học thiếu nhi mới. Đó là yếu tố có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành và phát triển của một nền văn học thiếu nhi cách mạng.

Trong những ngày kháng chiến gian khổ, bộ phận văn học thiếu nhi của Hội văn nghệ đã được thành lập, do nhà văn Tô Hoài phụ trách. Các nhà văn, nhà thơ, nhạc sỹ nổi tiếng đều có mặt trong bộ phận này như: Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Tuân, Lưu Hữu Phước... Báo cho thiếu nhi lúc này đáng chú ý nhất là tờ *Thiếu Sinh*, ngoài ra còn có các tờ: *Thiếu niên*, *Tuổi trẻ*, *Xung phong*, *Măng non*,... Sách đã có các loại như: *Kim Đồng*, *Hoa kháng chiến*... Những sách báo này tuy có ít, in ấn còn thô sơ, nhưng đã có mặt ở khắp chiến khu, đã trở thành những người bạn thân thiết của thiếu nhi kháng chiến, đã góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng những đức tính tốt, những tình cảm đẹp cho thiếu nhi, và thực sự đã trở thành vốn quý ban đầu của một nền văn học thiếu nhi mới.

Có thể nói rằng, đây là chặng mở đầu cho nền văn học thiếu nhi của nước Việt Nam độc lập. Thành tựu về tác phẩm chưa nhiều, đội ngũ người viết chưa đông đảo, nhưng tất cả những gì đã đạt được ở chặng này đều chứng tỏ rằng nền văn học thiếu nhi mới đã thực sự hình thành, sinh lực của nó rất dồi dào, nó có đủ điều kiện để phát triển trong tương lai.

b. Chặng thứ hai (1955 - 1964): Văn học thiếu nhi trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước:

Chặng đường này có những sự kiện nổi bật đáng chú ý như sau:

- Tiểu ban Văn học thiếu nhi trong Hội liên hiệp văn học nghệ thuật đã được thành lập.

- Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (1957) đã đề ra nhiệm vụ sáng tác cho thiếu nhi.

- Ngày 17-6-1957, Nhà xuất bản Kim Đồng được thành lập dưới chỉ đạo của Đoàn thanh niên (ra mắt cùng ngày với Nhà xuất bản Văn học tại Thủ Đô Hà Nội), đánh dấu một bước chuyển mới của nền văn học thiếu nhi Việt Nam.

- Năm 1962, Bộ giáo dục và Trung ương Đoàn thanh niên phối hợp tổ chức cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi. Nhiều nhà văn, nhà giáo đã hưởng ứng nhiệt liệt.

Sáng tác văn nghệ phục vụ thiếu nhi cho đến lúc này đã trở thành một vấn đề được nhiều giới, nhiều ngành quan tâm.

- Thành tựu của những sáng tác văn nghệ cho thiếu nhi không tách rời sự lãnh đạo ngày càng sâu sát, cụ thể của Đảng về văn học nghệ thuật nói chung và xuất bản phẩm cho thiếu nhi nói riêng. Ở mỗi thời kỳ khác nhau. Đảng luôn có những chỉ thị cụ thể về sáng tác văn học cho các em.

Thành tựu của chặng đường này khá rực rỡ. Các đề tài về cách mạng và kháng chiến, về truyền thống lịch sử được khai thác triệt để, nhằm giáo dục thiếu nhi lòng yêu nước thương nòi, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước.

Trong chặng đường mười năm này, nền văn học thiếu nhi của ta đã có bước tiến dài. Số lượng tác phẩm khá lớn, thuộc đủ thể loại (truyện, thơ, kịch...) trong đó có nhiều tác phẩm thành công. Đội ngũ người viết cho thiếu nhi đã lớn mạnh nhanh chóng. Sự phát triển đó cho thấy rõ tính chất ưu việt của chế độ ta, một chế độ rất quan tâm đến tương lai con em và coi đó chính là tương lai của đất nước, của dân tộc.

c. Chặng thứ ba (1965 - 1975) : Văn học thiếu nhi trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước

Ngày 5-8-1964, Đế quốc Mỹ đã tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Đây là một mốc mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, đồng thời cũng là một chặng đường mới trên con đường phát triển của nền văn học thiếu nhi nước nhà.

Trong mười năm kiến thiết hòa bình (1954 - 1964) nền văn học thiếu nhi của nước ta đã lớn lên. Với vốn quý ấy, nó cùng toàn dân tộc đi vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước.

Nhìn chung, văn học thiếu nhi ở chặng đường này đã góp phần biểu dương, khích lệ những tấm gương sáng của thiếu nhi trong học tập và tham gia vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước của toàn dân tộc. Đặc biệt, ở chặng đường này có nhiều tác phẩm giá trị và nhiều cây bút nhiều tài năng xuất hiện như: Trần Đăng Khoa, Khánh Chi, Cẩm Thơ, Nguyễn Hồng Kiên, Chu Hồng Ngọc, Hoàng

Hiếu Nhân ... Sự xuất hiện của hàng loạt nhà thơ thiếu nhi ở đây là một hiện tượng đầy ý nghĩa. Điều đó chứng tỏ sức mạnh tinh thần, truyền thống nhân văn của dân tộc đã thấm sâu vào tâm hồn của thế hệ trẻ. Nó cũng chứng tỏ rằng, chế độ ta, sau hai mươi năm xây dựng và trưởng thành đã thực sự là mảnh đất uơm cho những tài năng của dân tộc.

d. Chặng thứ tư (1975 đến nay): Văn học thiếu nhi trong thời kì đổi mới của đất nước.

Lịch sử đã sang trang, đất nước liền một dải, Bắc Nam đã thống nhất, cả dân tộc bước vào công cuộc xây dựng lại đất nước với những tư tưởng mới và mở cửa đón gió bốn phương khá mạnh mẽ. Nhất là từ sau Đại hội Đảng lần thứ sáu, văn học thiếu nhi cũng như các ngành khác được “bung ra” nhằm tìm kiếm những hướng phát triển mới. Điều này thật đáng mừng, nhưng cũng không ít những điều đáng lo ngại.

Điều đáng mừng là ở những chặng đường này có một số công trình nghiên cứu phê bình về văn học thiếu nhi tương đối dày dặn (chứ không phải là các bài viết lẻ tẻ như trước đây nữa) đã ra mắt công chúng. Đó là những cuốn: *Truyện viết cho thiếu nhi dưới chế độ mới* (1982) của Vân thanh; *Đôi điều tâm đắc* (1985) của Vũ Ngọc Bình; *Hoa trái mùa* (1968) của Văn Hồng ...

Khác với những năm chống Mĩ, thời kì này có một số truyện viết cho các em đề cập đến sự khốc liệt của chiến tranh và những tổn thất do chiến tranh mang lại. Những cuốn: *Hồi đó ở Sa Kì* (1981) của Bùi Minh Quốc, *Cát cháy* (1983) của Thanh Quế, *Côi cút giữa cánh đời* của Ma Văn Kháng đã đi vào mảng chủ đề này.

Bên cạnh đó, một số truyện viết cho độ tuổi thiếu niên không những chinh phục các độc giả nhỏ tuổi mà cả người lớn cũng thích thú, say mê. Đó là những cuốn: *Dòng sông thơ ấu* (1985) của Nguyễn Quang Sáng, *Tuổi thơ im lặng* (1987) của Duy Khánh, *Tuổi thơ dữ dội* của Phùng Quán, *Miền thơ ấu* của Vũ Thư Hiên ...

Ngoài ra, một số tác phẩm cũng đề cập đến những vấn đề đạo đức thời nay như: *Bến tàu trong thành phố* của Xuân Quỳnh, *Chú bé có tài mở khóa* của

Nguyễn Quang Thân ... Cách viết của các tác giả này đã để lại cho người đọc không ít những suy nghĩ, trăn trở.

Điều đáng lo ngại là thời buổi kinh tế thị trường đã có những tác động lớn tới việc viết và in sách cho thiếu nhi. Thời kì “bung ra” này không biết đã có bao nhiêu truyện cổ tích và thần thoại nước ngoài được giới thiệu với thiếu nhi, bên cạnh đó lại không biết có bao nhiêu truyện tranh vẽ và in quá ầu đã ồ ạt đến với các em ...

Một điều đáng lo ngại khác là đội ngũ những người sáng tác phục vụ thiếu nhi có phần thưa dần. Nguyên nhân chính của tình trạng này là những người viết cho các em ít được quan tâm, nhuận bút không thỏa đáng so với sách viết cho người lớn hoặc so với các nghề nghiệp khác. Vì thế mà viết cho thiếu nhi ít đi những người chuyên tâm.

Nhìn lại những chặng đường phát triển của nền văn học thiếu nhi nước nhà, chúng ta thấy tự hào về những thành quả mà nó đã đạt được. Ở chỗ này, chỗ khác tuy còn có những điều cần phải xem xét, uốn nắn, nhưng đó chỉ là những cái có tính chất nhất thời, còn những thành tựu và giá trị của nền văn học thiếu nhi vẫn là cơ bản, nó xứng đáng được khẳng định và trân trọng.

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ CÂY BÚT TIÊU BIỂU

1. Thơ và truyện Võ Quảng

Võ Quảng là cây bút khá quen thuộc của bạn đọc thiếu nhi. Thơ và truyện của Võ Quảng đều để lại những ấn tượng đẹp, vui tươi đối với các em, được các em rất ưa thích.

Thơ Võ Quảng có các tập như: *Gà mái hoa, Nắng sớm, Thấy cái hoa nở ...* Võ Quảng đem đến cho các em những hiểu biết về hàng loạt những sắc màu của những hoa cà, hoa cải, hoa ớt, hoa bầu ... Võ Quảng say mê tái hiện thiên nhiên một cách đa dạng, cả hình dáng, màu sắc lẫn hoạt động của thiên nhiên đều bước vào thơ.

Cảnh thiên nhiên bước vào thơ Võ Quảng rất nên thơ: cảnh êm dịu, hiền từ như “Rong theo bờ tre”; còn vật thì luôn luôn cựa quậy, nhảy nhót, vui nhộn như “Chú chấu chàng”. Câu thơ đầy tiếng kêu, nhiều động từ, lắm xê dịch, chạy